

Số: **1403** /QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày **25** tháng 6 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Danh mục dự án thuộc
Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững và Chương trình
mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới, kế hoạch 2018 và
các năm tiếp theo trên địa bàn huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 161/2016/NĐ-CP ngày 02/12/2016 của Chính phủ về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020 và các văn bản khác liên quan;

Căn cứ Nghị quyết số 70/NQ-CP ngày 03/8/2017 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 1760/QĐ-TTg ngày 10/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 02/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Nghị quyết số 173/2015/NQ-HĐND ngày 03/12/2015 của HĐND tỉnh về quy định mức hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu trong Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 2131/QĐ-UBND ngày 10/10/2013 của UBND tỉnh về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công - dự toán mẫu công trình: Nhà văn hóa, Sân thể thao và Khu chứa rác tập trung thuộc Chương trình xây dựng nông thôn mới tỉnh Đắk Lắk;

Căn cứ Quyết định số 2200/QĐ-UBND ngày 19/8/2015 của UBND tỉnh

về việc phê duyệt Thiết kế mẫu, thiết kế diễn hình, và dự toán Công trình: Đường trục thôn buôn; đường ngõ, xóm và đường trục chính nội đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới tỉnh Đắk Lắk;

Căn cứ Quyết định số 3128/QĐ-UBND ngày 13/11/2017 của UBND tỉnh về việc thiết kế bản vẽ thi công - dự toán công trình: Thiết kế mẫu Nhà văn hóa xã (Mẫu bổ sung);

Căn cứ Quyết định số 623/QĐ-UBND ngày 17/3/2017 của UBND tỉnh về việc ban hành danh mục loại dự án được áp dụng cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 726/QĐ-UBND ngày 09/4/2018 của UBND tỉnh về việc giao chỉ tiêu, nhiệm vụ và mức vốn đầu tư phát triển cho các đơn vị để triển khai thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2018;

Xét Tờ trình số 267/TTr-SKHĐT ngày 19/6/2018, kèm theo Báo cáo kết quả thẩm định số 266/BC-SKHĐT ngày 19/6/2018 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về Báo cáo kết quả thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn đối với Danh mục dự án đầu tư thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững và Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới, kế hoạch 2018 và các năm tiếp theo, trên địa bàn huyện Ea H'Leo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt chủ trương đầu tư Danh mục dự án đầu tư thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững và Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới, kế hoạch 2018 và các năm tiếp theo, trên địa bàn huyện Ea H'Leo, với các nội dung chính sau:

1. Tên Danh mục dự án: Danh mục dự án đầu tư thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững và Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới, kế hoạch 2018 và các năm tiếp theo trên địa bàn huyện Ea H'Leo.

2. Đơn vị đề xuất: UBND huyện Ea H'Leo.

3. Về nguồn vốn:

a) Sự phù hợp của các dự án đối với nguồn vốn đầu tư:

Danh mục các dự án đầu tư thuộc Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững và Chương trình MTQG Xây dựng nông thôn mới do UBND huyện Ea H'Leo đề xuất phù hợp với nguồn vốn của Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững và Chương trình MTQG Xây dựng nông thôn mới được UBND tỉnh giao tại Quyết định số 726/QĐ-UBND ngày 09/4/2018 và các nguồn vốn hợp pháp khác.

b) Sự phù hợp của các dự án đối với mục tiêu, đối tượng của từng chương trình:

- Đối với Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững: Các dự án thuộc Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững do UBND huyện Ea H'Leo đề xuất

phù hợp với mục tiêu, đối tượng của Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 02/9/2016.

- Đối với Chương trình MTQG Xây dựng nông thôn mới: Các dự án thuộc Chương trình MTQG Xây dựng nông thôn mới do UBND huyện Ea H'Leo đề xuất phù hợp với mục tiêu, đối tượng của Chương trình MTQG Xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 và điều chỉnh tại Quyết định số 1760/QĐ-TTg ngày 10/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ.

4. Về cân đối vốn:

Tổng mức đầu tư dự kiến: 35.734.000.000 đồng (Ba mươi lăm tỷ, bảy trăm ba mươi bốn triệu đồng), trong đó:

4.1. Kế hoạch năm 2018: 33.804.000.000 đồng (Ba mươi ba tỷ, tám trăm lẻ bốn triệu đồng), gồm:

a) Ngân sách Trung ương và Ngân sách tỉnh đã được UBND tỉnh giao tại Quyết định số 726/QĐ-UBND ngày 09/4/2018 là: 25.882.000.000 đồng (Hai mươi lăm tỷ, tám trăm tám mươi hai triệu đồng), cụ thể:

- Ngân sách Trung ương: 7.631.000.000 đồng (Chương trình Giảm nghèo bền vững: 5.631.000.000 đồng; Chương trình Xây dựng nông thôn mới: 2.000.000.000 đồng).

- Ngân sách tỉnh: 18.251.000.000 đồng (Chương trình Xây dựng nông thôn mới: 11.951.000.000 đồng; Xổ số kiến thiết bố trí cho nông thôn mới: 6.300.000.000 đồng).

b) Ngân sách huyện: 3.398.000.000 đồng.

c) Ngân sách cấp xã: 2.266.000.000 đồng.

d) Dân đóng góp và huy động khác: 2.258.000.000 đồng.

4.2. Kế hoạch năm 2019 và các năm tiếp theo: 1.930.000.000 đồng (Một tỷ, chín trăm ba mươi triệu đồng), gồm:

Ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh bố trí cho các nhà văn hóa xã theo cơ cấu vốn, đảm bảo dự án thực hiện không quá 3 năm.

(Chi tiết tại Danh mục dự án kèm theo)

5. Danh mục các dự án được phê duyệt (Tên dự án cụ thể; địa điểm đầu tư; quy mô đầu tư; tổng mức đầu tư dự kiến; thời gian và hình thức thực hiện): Chi tiết tại Danh mục dự án kèm theo.

6. Cấp quyết định đầu tư (phê duyệt hồ sơ công trình) từng dự án cụ thể: UBND cấp xã (Chi tiết tại Danh mục dự án kèm theo).

Điều 2: UBND huyện Ea H'Leo có trách nhiệm chỉ đạo UBND các xã, thị trấn tiến hành các bước tiếp theo theo Nghị định số 161/2016/NĐ-CP ngày 02/12/2016 và Nghị quyết số 70/NQ-CP ngày 03/8/2017 của Chính phủ; Nghị

quyết số 35/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của HĐND tỉnh Quy định mức chi phí hỗ trợ chuẩn bị và quản lý thực hiện dự án đối với một số dự án được áp dụng cơ chế đầu tư đặc thù thuộc các Chương trình MTQG giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh; Hướng dẫn của UBND tỉnh tại Công văn số 3841/UBND-CN ngày 23/5/2017 và Công văn số 8452/UBND-CN ngày 26/10/2017 của UBND tỉnh; Quy hoạch xây dựng nông thôn mới; Kết quả thẩm của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Báo cáo số 266/BC-KHĐT ngày 19/6/2018 và các quy định hiện hành để xác định cụ thể quy mô của từng dự án, thực hiện việc quản lý đầu tư xây dựng theo đúng quy định. Bố trí vốn ngân sách huyện, chỉ đạo bố trí ngân sách cấp xã và chỉ đạo tổ chức huy động nguồn vốn nhân dân đóng góp 7.922.000.000 đồng (Bảy tỷ, chín trăm hai mươi hai triệu đồng) trong năm 2018 để đảm bảo hoàn thành các công trình theo đúng thời hạn quy định, không để phát sinh nợ đọng trong đầu tư công.

Điều 3: Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh, Xây dựng, Giao thông Vận tải; Trưởng Ban Dân tộc tỉnh; Chánh Văn phòng điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Ea H'Leo; Chủ đầu tư và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận: 

- Như Điều 3;
- Các Bộ: KH&ĐT, TC, NN&PTNT, LĐT&XH (để b/c);
- Ủy ban Dân tộc (để b/c);
- VP ĐPCTMTQG XD NTM TW (để b/c);
- TTTU, TTHĐND tỉnh (để b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Các phòng thuộc VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH (T-50b)



Phạm Ngọc Nghị

DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ ĐƯỢC ÁP DỤNG CƠ CHẾ ĐẶC THÙ TỪ NGUỒN VỐN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN EA H'LEO KẾ HOẠCH NĂM 2018 VÀ CÁC NĂM TIẾP THEO
(Kèm theo Quyết định số 1403/QĐ-UBND ngày 25 tháng 6 năm 2018 của UBND tỉnh Đắk Lắk)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án/công trình	Địa điểm xây dựng	Xã thuộc KV và loại thôn, buôn*	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế (quy mô XD)	Lĩnh vực đầu tư	Tổng mức đầu tư dự kiến	Nguồn vốn đầu tư, kế hoạch 2018												NSTW&N ST bố trí theo tỷ lệ cơ cấu từ KH 2019 trở đi	Thời gian thực hiện	Hình thức thực hiện	Ghi chú
								NSTW			Ngân sách tỉnh						NSH	NSX	Dẫn động góp và huy động khác				
								Tổng số	Trong đó		Tổng số	Cân đối NST (NTM)	Xổ số kiến thiết	Trong đó									
									GNBV	NTM				GNBV	NTM								
1	2	3	4	5	6	7	(8=9+12+17+18+19+20)	(9=10+11)	11	10	(12=13+14)	13	(14=15+16)	15	16	17	18	19	20	21	22	23	
	TỔNG CỘNG (A+B+C)						35.734	7.631	5.631	2.000	18.251	11.951	6.300	-	6.300	3.398	2.266	2.258	1.930				
A	CTMTQG GIẢI NGHÈO BỀN VỮNG						6.296	4.831	4.831	-	-	-	-	-	-	400	300	765	-				
I	Xã Cư Amung		Xã KV II				1.280	800	800	-	-	-	-	-	-	-	200	280	-				
1	Đường giao thông trục thôn 3	Thôn 3	Thôn ĐBKk	BQL xã Cư Amung	GTNT theo NQ 173	GT	330	200	200		-	-	-				50	80		2018	Cộng đồng dân cư, tổ chức đoàn thể, tổ, nhóm thợ, thuê đơn vị thi công thực hiện theo luật đầu thầu (tùy theo tình hình thực tế địa phương)		
2	Đường giao thông buôn Tơ Yoa	Buôn Tơ Yoa	Buôn ĐBKk	BQL xã Cư Amung	GTNT theo NQ 173	GT	320	200	200		-	-	-				50	70		2018	nt		
3	Đường giao thông thôn 4	Thôn 4	Thôn ĐBKk	BQL xã Cư Amung	GTNT theo NQ 173	GT	300	200	200		-	-	-				50	50		2018	nt		
4	Đường giao thông thôn 9	Thôn 9	Thôn ĐBKk	BQL xã Cư Amung	GTNT theo NQ 173	GT	330	200	200		-	-	-				50	80		2018	nt		
II	Xã Ea Tір		Xã KV III				1.301	1.231	1.231	-	-	-	-	-	-	-	-	70	-				
1	Đường buôn Tiêu A	B. Tiêu A		BQL xã Ea Tір	GTNT theo NQ 173	GT	630	600	600		-		-					30		2018	nt		
2	Đường thôn Bình Minh đi suối đực	Thôn Bình Minh		BQL xã Ea Tір	GTNT theo NQ 173	GT	671	631	631		-		-					40		2018	nt		
III	Xã Cư Mốt		Xã KV II				440	400	400	-	-	-	-	-	-	-	-	40					
1	Đường giao thông thôn 4A	Thôn 4A	Thôn ĐBKk	BQL xã Cư Mốt	GTNT theo NQ 173	GT	220	200	200		-		-					20		2018	nt		
2	Đường giao thông thôn 4B	Thôn 4B	Thôn ĐBKk	BQL xã Cư Mốt	GTNT theo NQ 173	GT	220	200	200		-		-					20		2018	nt		
IV	Xã Ea Sol		Xã KV II				425	400	400	-	-	-	-	-	-	-	-	25	-				
1	Đường giao thông buôn Cham	Buôn Cham	Buôn ĐBKk	BQL xã Ea Sol	GTNT theo NQ 173	GT	210	200	200		-		-					10		2018	nt		
2	Đường giao thông buôn Kary	Buôn Kary	Buôn ĐBKk	BQL xã Ea Sol	GTNT theo NQ 173	GT	215	200	200		-		-					15		2018	nt		
V	Xã Ea Khal		Xã KV II				440	400	400	-	-	-	-	-	-	-	-	40	-				
1	Đường giao thông thôn 13	Thôn 13	Thôn ĐBKk	BQL xã Ea Khal	GTNT theo NQ 173	GT	220	200	200		-		-					20		2018	nt		
2	Đường giao thông thôn 14	Thôn 14	Thôn ĐBKk	BQL xã Ea Khal	GTNT theo NQ 173	GT	220	200	200		-		-					20		2018	nt		
VI	Xã Ea Hiao		Xã KV II				440	400	400	-	-	-	-	-	-	-	-	40	-				

STT	Danh mục dự án/công trình	Địa điểm xây dựng	Xã thuộc KV và loại thôn, buôn*	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế (quy mô XD)	Lĩnh vực đầu tư	Tổng mức đầu tư dự kiến	Nguồn vốn đầu tư, kế hoạch 2018											NSTW&N ST bố trí theo tỷ lệ cơ cấu từ KH 2019 trở đi	Thời gian thực hiện	Hình thức thực hiện	Ghi chú
								NSTW			Ngân sách tỉnh				NSH	NSX	Dân đóng góp và huy động khác					
								Tổng số	Trong đó		Tổng số	Bao gồm		Trong đó								
									GNBV	NTM		Cân đối NST (NTM)	Xổ số kiến thiết					GNBV				
1	Đường giao thông thôn 7C	Thôn 7C	Thôn ĐBK	BQL xã Ea Hiao	GTNT theo NQ 173	GT	220	200	200	-	-	-	-	-	400	100	50	-	2018	nt		
2	Đường giao thông buôn Krái	Buôn Krái	Buôn ĐBK	BQL xã Ea Hiao	GTNT theo NQ 173	GT	220	200	200	-	-	-	-	-	-	-	20	-	2018	nt		
VII	Xã Ea Ral		Xã KV II				950	400	400	-	-	-	-	-	-	-	50	-				
1	Đường giao thông buôn Tùng Xê (đến giáp nghĩa địa xã EaRal)	Buôn Tùng xê	Buôn ĐBK	BQL xã Ea Ral	GTNT theo NQ 173	GT	720	200	200	-	-	-	-	-	400	100	20	-	2018	nt		
2	Đường giao thông buôn Tùng Tah	Buôn Tùng Tah	Buôn ĐBK	BQL xã Ea Ral	GTNT theo NQ 173	GT	230	200	200	-	-	-	-	-	-	-	30	-	2018	nt		
VIII	Xã Diê Yang		Xã KV II				210	200	200	-	-	-	-	-	-	-	10	-				
1	Đường giao thông buôn Sek Diết	B.Sek Diết	Buôn ĐBK	BQL xã Diê Yang	GTNT theo NQ 173	GT	210	200	200	-	-	-	-	-	-	-	10	-	2018	nt		
IX	Xã Ea Nam		Xã KV II				510	400	400	-	-	-	-	-	-	-	110	-				
1	Đường giao thông buôn Kdruh A	Buôn Kdruh A	Buôn ĐBK	BQL xã Ea Nam	GTNT theo NQ 173	GT	260	200	200	-	-	-	-	-	-	-	60	-	2018	nt		
2	Đường giao thông buôn Thôn 8	Thôn 8	Thôn ĐBK	BQL xã Ea Nam	GTNT theo NQ 173	GT	250	200	200	-	-	-	-	-	-	-	50	-	2018	nt		
X	Xã Ea Wy		Xã KV II				300	200	200	-	-	-	-	-	-	-	100	-				
1	Đường giao thông thôn 1C	Thôn 1C	Thôn ĐBK	BQL xã Ea Wy	GTNT theo NQ 173	GT	300	200	200	-	-	-	-	-	-	-	100	-	2018	nt		
B	CTMTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI						26.567	2.000	-	2.000	16.560	11.310	5.250	-	5.250	2.878	1.806	1.393	1.930			
I	Xã Ea Wy		Xã KV II				7.135	-	-	-	4.693	4.693	-	-	-	920	393	164	965			
1	Nhà văn hóa xã Ea Wy (NST 70%)	Thôn 3		BQL xã Ea Wy	Nhà xây cấp III	VH	3.094	-	-	-	1.200	1.200	-	-	-	620	300	9	965	2018 - 2020	nt	
2	Sân thể thao xã Ea Wy (NST 70%)	Thôn 1A		BQL xã Ea Wy	Sân đất	VH	568	-	-	-	370	370	-	-	-	115	53	30	2018	nt		
3	NHB trường THCS Huỳnh Thúc Kháng	Thôn 2A		BQL xã Ea Wy	Nhà xây cấp III	GD	1.220	-	-	-	1.200	1.200	-	-	-	-	-	20	2018	nt		
4	Đường GT thôn 1A đi thôn 8B	Thôn 1A		BQL xã EaWy	GTNT theo NQ 173	GT	1.477	-	-	-	1.282	1.282	-	-	-	130	20	45	2018	nt		
5	Đường GT thôn 1 B	Thôn 1B		BQL xã EaWy	GTNT theo NQ 173	GT	776	-	-	-	641	641	-	-	-	55	20	60	2018	nt		
II	Xã Ea Ral		Xã KV II				9.173	-	-	-	6.246	6.246	-	-	-	1.095	603	264	965			
1	Nhà văn hóa xã Ea Ral (NST 70%)	Thôn 5		BQL xã Ea Ral	Nhà cấp III	VH	3.094	-	-	-	1.200	1.200	-	-	-	620	300	9	965	2018 - 2020	nt	
2	Sân thể thao xã Ea Ral (NST 70%)	Thôn 5		BQL xã Ea Ral	Sân đất	VH	588	-	-	-	370	370	-	-	-	115	53	50	2018	nt		
3	Trường MN Hoa Lan	Thôn 5		BQL xã Ea Ral	Nhà cấp III	GD	820	-	-	-	750	750	-	-	-	-	50	20	2018	nt		
4	Đường GT buôn Tùng Thăng	buôn Tùng Thăng		BQL xã Ea Ral	GTNT theo NQ 173	GT	615	-	-	-	500	500	-	-	-	60	20	35	2018	nt		
5	Đường GT buôn Tùng Tah- Tùng Xê	buôn Tùng Tah	Buôn ĐBK	BQL xã Ea Ral	GTNT theo NQ 173	GT	1.410	-	-	-	1.200	1.200	-	-	-	100	60	50	2018	nt		

STT	Danh mục dự án/công trình	Địa điểm xây dựng	Xã thuộc KV và loại thôn, buôn*	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế (quy mô XD)	Lĩnh vực đầu tư	Tổng mức đầu tư dự kiến	Nguồn vốn đầu tư, kế hoạch 2018										NSTW&N ST bổ trợ theo tỷ lệ cơ cấu từ KH 2019 trở đi	Thời gian thực hiện	Hình thức thực hiện	Ghi chú	
								NSTW			Ngân sách tỉnh				NSH	NSX	Dân đóng góp và huy động khác					
								Tổng số	Trong đó		Tổng số	Bao gồm										
									GNBV	NTM		Cân đối NST (NTM)	Xổ số kiến thiết	Trong đó								
6	Đường GT buôn Tùng Thăng-Tùng Xê	buôn Tùng Xê	Buôn ĐBKk	BQL xã Ea Ral	GTNT theo NQ 173	GT	1.236	-			1.026	1.026	-			100	60	50		2018	nt	
7	Đường GT buôn buôn A Riêng đi thôn 4	Buôn Ariêng		BQL xã Ea Ral	GTNT theo NQ 173	GT	1.410	-			1.200	1.200	-			100	60	50		2018	nt	
III	Xã Ea Tір		Xã KV III				2.720	2.000	-	2.000	-	-	-	-	-	360	250	110	-			
1	Đường GT thôn 4 đi thôn 2	Thôn 4		BQL xã Ea Tір	GTNT theo NQ 173	GT	820	650		650	-		-			100	50	20		2018	nt	
2	Đường GT thôn Bình Minh đi suối trong	Thôn Bình Minh		BQL xã Ea Tір	GTNT theo NQ 173	GT	630	460		460	-		-			100	50	20		2018	nt	
3	Đường GT thôn 2 đi nghĩa địa	Thôn 2		BQL xã Ea Tір	GTNT theo NQ 173	GT	650	480		480	-		-			100	50	20		2018	nt	
4	Đường GT thôn Bình Minh	Thôn Bình Minh		BQL xã Ea Tір	GTNT theo NQ 173	GT	620	410		410	-		-			60	100	50		2018	nt	
IV	Xã Cư Mốt		Xã KV II				1.570	-	-	-	1.050	-	1.050	-	1.050	120	100	300	-			
1	Đường GT thôn 5	Thôn 5		BQL xã Cư Mốt	GTNT theo NQ 173	GT	820	-			600		600		600	70	50	100		2018	nt	
2	Đường GT thôn 4A	Thôn 4A	Thôn ĐBKk	BQL xã Cư Mốt	GTNT theo NQ 173	GT	750	-			450		450		450	50	50	200		2018	nt	
V	Xã Ea Khal		Xã KV II				1.470	-	-	-	1.050	-	1.050	-	1.050	90	200	130	-			
1	Đường GT thôn 7 đi thôn 14	Thôn 7		BQL xã Ea Khal	GTNT theo NQ 173	GT	795	-			550		550		550	45	100	100		2018	nt	
2	Đường GT thôn 1 (B. Đung) đi thôn 11	B. Đung		BQL xã Ea Khal	GTNT theo NQ 173	GT	675	-			500		500		500	45	100	30		2018	nt	
VI	Xã Cư Amung		Xã KV II				1.650	-	-	-	1.050	-	1.050	-	1.050	100	200	300				
1	Đường GT thôn 10b (Khu lồ ô)	Thôn 10B		BQL xã Cư Amung	GTNT theo NQ 173	GT	850	-			450		450		450	50	200	150		2018	nt	
2	Đường GT thôn 10	Thôn 10		BQL xã Cư Amung	GTNT theo NQ 173	GT	800	-			600		600		600	50		150		2018	nt	
VII	Xã Ea Sol		Xã KV II				1.180	-	-	-	1.050		1.050	-	1.050	80	30	20	-			
1	Đường GT trục chính buôn Ta Ly	Buôn Ta Ly		BQL xã Ea Sol	GTNT theo NQ 173	GT	1.180	-			1.050		1.050		1.050	80	30	20		2018	nt	
VIII	Xã Ea Hiao		Xã KV II				1.225	-	-	-	1.050	-	1.050	-	1.050	60	30	85	-			
1	Đường GT từ thôn 7C đi thôn 8	Thôn 7C	Thôn ĐBKk	BQL xã Ea Hiao	GTNT theo NQ 173	GT	665	-			600		600		600	30		35		2018	nt	
2	Đường GT từ thôn 7B đi thôn 11	Thôn 7B		BQL xã Ea Hiao	GTNT theo NQ 173	GT	560	-			450		450		450	30	30	50		2018	nt	
IX	Xã Ea Nam		Xã KV II				444	-	-	-	371	371	-	-	-	53	-	20	-			
1	Sân thể thao xã Ea Nam (NST hỗ trợ 70%)	xã Ea Nam		BQL xã Ea Nam	Sân đất	GT	444	-			371	371	-			53		20		2018	nt	
C	CÔNG TRÌNH LÔNG GHÉP ĐẦU TƯ TỪ CTMTQG NTM VÀ GNBV						2.871	800	800	-	1.691	641	1.050	-	1.050	120	160	100	-			
1	Xã Ea H'leo		Xã KV II				1.950	600	600	-	1.050	-	1.050	-	1.050	90	140	70	-			

STT	Danh mục dự án/công trình	Địa điểm xây dựng	Xã thuộc KV và loại thôn, buôn*	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế (quy mô XD)	Lĩnh vực đầu tư	Tổng mức đầu tư dự kiến	Nguồn vốn đầu tư, kế hoạch 2018										NSTW&N ST bố trí theo tỷ lệ cơ cấu từ KH 2019 trở đi	Thời gian thực hiện	Hình thức thực hiện	Ghi chú	
								NSTW			Ngân sách tỉnh				NSH	NSX	Dân đóng góp và huy động khác					
								Tổng số	Trong đó		Tổng số	Bao gồm										
									GNBV	NTM		Cân đối NST (NTM)	Xổ số kiến thiết	GNBV								NTM
1	Đường GT buôn Treng	Buôn Treng	Buôn ĐBK	BQL xã Ea H'leo	GTNT theo NQ 173	GT	710	200	200		350		350		350	30	100	30		2018	nt	
2	Đường GT thôn 2C	Thôn 2 C	Thôn ĐBK	BQL xã Ea H'leo	GTNT theo NQ 173	GT	620	200	200		350		350		350	30	20	20		2018	nt	
3	Đường GT thôn 1	Thôn 1	Thôn ĐBK	BQL xã Ea H'leo	GTNT theo NQ 173	GT	620	200	200		350		350		350	30	20	20		2018	nt	
II	Xã Ea Wy		Xã KV II				921	200	200	-	641	641	-	-	-	30	20	30	-			
1	Đường GT thôn 2C	Thôn 2C	Thôn ĐBK	BQL xã Ea Wy	GTNT theo NQ 173	GT	921	200	200		641	641	-			30	20	30		2018	nt	